

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẦU NGANG  
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31/12/2024

*“V/v Ly hôn và tranh chấp về  
nuôi con”*

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Phương Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trương Văn Mên;

Ông Nguyễn Hoàng Nam.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Chung Hữu Toàn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh:***  
Ông Lý Phước Bền, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2024/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 9 năm 2024 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Lê Thị Tuyết N, sinh năm 2001. Địa chỉ: Khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (chị N có mặt)

***- Bị đơn:*** Anh Trần Hoàng P, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (anh P có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết N trình bày:*

Về hôn nhân: Vào năm 2019 chị và anh Trần Hoàng P, xác lập quan hệ hôn nhân và có tiến hành lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi cưới anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện C, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, đến tháng 11 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh P thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm vợ con nên

giữa vợ chồng chị thường xuyên xảy ra cự cãi và đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2021 cho đến nay. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Hoàng P.

- Về nuôi con tên: Trần Lê Bảo N1, sinh ngày 14/12/2021, từ lúc sinh ra đến khi chị nộp đơn khởi kiện là do chị nuôi dưỡng. Sau khi chị nộp đơn khởi kiện thì anh P rước con về Cần Thơ nuôi dưỡng cho đến nay. Nay chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị không tranh chấp, không khởi kiện và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về số nợ phải thu, phải trả: Chị không tranh chấp, không khởi kiện và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị không yêu cầu gì khác.

*Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Trần Hoàng P trình bày:* Anh thống nhất với lời trình bày của chị N về hôn nhân, con chung. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh là do N có người khác bên ngoài nên vợ chồng xảy ra cự cãi và sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Nay chị N yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn. Về con chung tên Trần Lê Bảo N1, sinh ngày 14/12/2021 hiện tại anh đang nuôi dưỡng và cho bé đi học tại Cần Thơ, anh yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và số nợ phải thu, phải trả anh không tranh chấp, không khởi kiện và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh không yêu cầu gì khác.

#### **Lời phát biểu của Kiểm sát viên:**

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều được tổng đạt đầy đủ cho các đương sự. Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Lê Thị Tuyết N được ly hôn với anh Trần Hoàng P, về con chung tên Trần Lê Bảo N1, sinh ngày 14/12/2021, hiện tại cháu N1 trên 36 tháng tuổi, anh P đang nuôi dưỡng và cho cháu N1 đi học tại trường mầm non P1 tại Cần Thơ đảm bảo sự phát triển tốt của cháu N1. Căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh P được tiếp tục nuôi con chung tên Trần Lê Bảo N1, sinh ngày 14/12/2021. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và số nợ phải thu phải trả, chị N và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Lê Thị Tuyết N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Phần kiến nghị: Không có

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Chị Lê Thị Tuyết N khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con với anh Trần Hoàng P, địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang.

*[2] Về hôn nhân:* Vào năm 2019 chị N và anh P xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Từ đó xác định hôn nhân giữa chị N và anh P là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị N trình bày:

Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chị do anh P thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm vợ con nên giữa vợ chồng chị thường xuyên xảy ra cự cãi và đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2021 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị cương quyết xin ly hôn với anh Trần Hoàng P.

*Tại phiên tòa, anh Trần Hoàng P trình bày:* Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh là do vợ anh có người khác bên ngoài nên vợ chồng xảy ra cự cãi và sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay không liên lạc. Nay chị N yêu cầu ly hôn anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Lê Thị Tuyết N.

Xét thấy trong quá trình chung sống, giữa chị N và anh P có xảy ra mâu thuẫn về lối sống nên vợ chồng anh, chị đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, không quan liên lạc. Tại phiên tòa hôm nay, chị N xác định chị không còn tình cảm với anh P, chị cương quyết xin ly hôn với anh P. Tại phiên tòa, anh P cũng đồng ý ly hôn với chị N, do tình cảm vợ chồng không còn. Từ đó xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh P là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị N, về hôn nhân xử cho chị Lê Thị Tuyết N được ly hôn với anh Trần Hoàng P.

*[3] Về nuôi con:* Thời gian chung sống, chị N và anh P có một con chung tên Trần Lê Bảo N1, sinh ngày 14/12/2021, hiện tại anh P đang nuôi dưỡng. Quá

trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị N và anh P đều yêu cầu được nuôi con chung. Xét thấy từ khi bé N1 được sinh ra do chị N nuôi dưỡng đến khi chị N làm đơn ly hôn thì anh P rước con về Cần Thơ sinh sống cho đến nay và cho bé N1 đi học tại trường mầm non P1 tại Cần Thơ, đảm bảo sự phát triển tốt của bé N1. Xét thấy hiện tại cháu N1 đã trên 36 tháng tuổi và do anh P trực tiếp nuôi dưỡng, đảm bảo sự phát triển tốt của bé N1 nên việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sẽ ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển của bé N1. Căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh P được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Trần Lê Bảo N1, sinh ngày 14/12/2021 là phù hợp với quy định của pháp luật.

*[4] Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị N và anh P không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*[5] Về tài sản chung và nợ phải thu, phải trả của vợ chồng:* Chị N và anh P không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*[6] Về án phí:* Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị Lê Thị Tuyết N phải chịu án phí theo quy định.

Xét quan điểm của Vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của chị Lê Thị Tuyết N.

- *Về hôn nhân:* Xử cho chị Lê Thị Tuyết N được ly hôn với anh Trần Hoàng P.

- *Về nuôi con:* Anh Trần Hoàng P được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Trần Lê Bảo N1, sinh ngày 14/12/2021 khi ly hôn.

Chị Lê Thị Tuyết N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị N và anh P không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung*: Chị N và anh P không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về số nợ phải thu, phải trả của vợ chồng*: Chị N và anh P không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Buộc chị Lê Thị Tuyết N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0011263, ngày 06 tháng 9 năm 2024 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Chị N đã nộp đủ án phí.

- *Về quyền kháng cáo*: Chị Lê Thị Tuyết N và anh Trần Hoàng P có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Phương Hà**

